

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2017/HSST
Ngày 20 tháng 11 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VĨNH PHÚC
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Vinh và ông Đinh Xuân Dụ

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Nhật Mai, Cán bộ
Toà án nhân dân huyện B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Lê Xuân
Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh
Phúc xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 77/2017/HSST ngày 27 tháng 10 năm
2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 08 tháng 4 năm 1990. Hộ khẩu thường trú: thôn C,
xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; con
ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị B; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo
bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13 tháng 10 năm 2017 đến nay, “có mặt”;

NHẬN THẤY:

Bị cáo Nguyễn Văn T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố về hành vi
phạm tội như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 13 tháng 10 năm 2017, Nguyễn Văn T là người nghiện
ma túy đi bộ đến khu vực đề thuộc xã V, huyện M, thành phố Hà Nội gặp 01 người
phụ nữ khoảng 37 tuổi không rõ họ tên tuổi, địa chỉ mua được 02 gói ma túy (Hêrôin)
với giá 400.000 đồng về để sử dụng, khi T đi về đến đoạn đường thuộc thôn C, xã
P, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc thì Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B phát hiện,
tiến hành kiểm tra và bắt quả tang Nguyễn Văn T có hành vi tàng trữ trái phép chất
ma túy.

Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện B đã thu giữ trong túi quần bên
phải T đang mặc trên người 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, số
IMEL 352700/07/084740/4 đã bị vỡ màn hình, sau lưng nắp điện thoại có 01 gói
nhỏ bên ngoài bọc bằng mảnh giấy bạc màu trắng, bên trong có chứa chất bột màu
trắng, T khai đó là ma túy (Heroin) của T cất giấu để sử dụng, được niêm phong ký
hiệu A2. Trong khi kiểm tra T vứt xuống nền đất nơi T đứng 02 gói nhỏ bên ngoài
bọc bằng mảnh giấy lịch, bên trong có chứa chất bột màu trắng, T khai là ma túy

(Heroine) cất giấu để sử dụng, được niêm phong vào phong bì ký hiệu A1. Ngoài ra còn tạm giữ của T số tiền 1.030.000 đồng; 01 mảnh giấy bạc từ vỏ bao thuốc kích thước là 05cm x 07cm; 01 bật lửa ga màu đỏ cũ.

Ngày 14 tháng 10 năm 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B khám xét nơi ở riêng của T nhưng không thu giữ được gì.

Ngày 13 tháng 10 năm 2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B ra Quyết định số 335, Trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc tiến hành giám định 03 gói nhỏ chất bột màu trắng đã thu giữ được niêm phong ký hiệu A1 và A2 thu giữ của Nguyễn Văn T. Tại Kết luận giám định số 1231/KLGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc, kết luận: “Chất bột màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi đến giám định là ma túy lần tạp chất, loại Heroine. Khối lượng (trọng lượng) của mẫu gửi giám định là 0,2441gam (Không phảy hai bốn bốn một gam, không kể bao bì). Khối lượng (trọng lượng) Heroine có trong 0,2441gam mẫu là 0,1074gam (Không phảy một không bảy bốn gam). Chất bột màu trắng của mẫu ký hiệu A2 gửi đến giám định là ma túy lần tạp chất, loại Heroine. Khối lượng (trọng lượng) của mẫu gửi giám định là 0,0116 gam (Không phảy không một một sáu gam, không kể bao bì). Khối lượng (trọng lượng) Heroine có trong 0,0116 gam mẫu là 0,0089 gam (Không phảy không không tám chín gam).” Hoàn trực tiếp cho Cơ quan trưng cầu mẫu vật còn lại sau giám định gồm: A1=0,0907 gam mẫu; A2=0,0000 gam mẫu và toàn bộ bao gói.

Đối với người phụ nữ đã bán ma túy cho T, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện B không xác định được danh tính nên vẫn đang tiếp tục điều tra để làm rõ.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện B, Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi của mình.

Tại Cáo trạng số 75/KSĐT - MT ngày 24 tháng 10 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố Nguyễn Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015(đã được sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa Kiểm sát viên trình bày lời luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 BLHS 2015; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo và đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những lời khai tại hồ sơ của những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện B. Bị cáo khai nhận: Khoảng 21 giờ ngày 13 tháng 10 năm 2017, tại khu vực cánh đồng thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Văn T đang

có hành vi tàng trữ 0,1163 gam heroin, mục đích để sử dụng thì Công an huyện B phát hiện bắt quả tang thu giữ cùng tang vật.

Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như: Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và vật chứng vụ án thu giữ được. Vì vậy, có đủ cơ sở để khẳng định hành vi của Nguyễn Văn T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tội danh được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 có khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm, nhưng Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017) và theo quy định tại Nghị quyết 41/2017/NQ-QH14 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12 /2017/QH14 và khoản 3, Điều 7 Bộ luật hình sự 2015 của Quốc Hội Nước CHXHCNVN, về việc áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo thì tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015 có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm là nhẹ hơn so với khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999. Do vậy, xét xử bị cáo Nguyễn Văn T theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Luật hình sự năm 2015 là phù hợp.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến tính chất độc quyền về quản lý các chất gây nghiện của Nhà nước, là nguyên nhân, phát sinh các tệ nạn xã hội, làm ảnh hưởng đến phong trào phòng chống các tệ nạn xã hội ở địa phương, loại tội phạm này hiện nay ngày càng ra tăng; vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo và xử phạt bị cáo mức hình phạt tù mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung, tuy nhiên vì lượng ma túy bị cáo tàng trữ ít có 0,1163 gam heroin; vì vậy xét xử hình phạt đối với bị cáo mức thấp hơn với đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Tình tiết giảm nhẹ này quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được xem xét để giảm một phần hình phạt cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, tuy nhiên khi bị bắt Cơ quan điều tra Công an huyện B đã thu giữ của T 1.030.000 đồng số tiền này do T làm việc lao động mà có, vì vậy T là người có tài sản, cần phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo T.

Đối với người phụ nữ không quen biết là người đã bán ma túy cho T, Cơ quan điều tra không xác định tên, địa chỉ của người phụ nữ này; vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng: Đối với mẫu vật còn lại sau giám định gồm 0,0907 gam mẫu ma túy và toàn bộ bao gói cơ quan giám định hoàn trả lại và 01 mảnh giấy bạc từ vỏ bao thuốc kích thước 05cm x 07cm; 01 bật lửa ga màu đỏ cũ không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động SAM SUNG màu trắng cũ số IMEI 3527700/07/084740/4 là điện thoại T dùng để cất giấu trái phép chất ma túy; do vậy, cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với số tiền 1.030.000 đồng của T, quá trình điều tra xác định là tiền do T lao động mà có, không liên quan đến việc mua bán ma túy; vì vậy, cần trả lại cho T nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí : Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1,5 Điều 249 BLHS 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017); điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 13 tháng 10 năm 2017.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Nguyễn Văn T 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) sung công quỹ nhà nước.

Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy 0,0907gam ma túy và toàn bộ bao gói Cơ quan giám định hoàn trả lại và 01 mảnh giấy bạc từ vỏ bao thuốc kích thước 05cm x 07cm; 01 bật lửa ga màu đỏ cũ. Tịch thu phát mại nộp Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Sam sung màu trắng cũ số IMEI 3527700/07/084740/4 của Nguyễn Văn T.

Trả lại cho Nguyễn Văn T số tiền 1.030.000 đồng (Một triệu không trăm ba mươi nghìn đồng) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án. Tất cả vật chứng và tiền nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện B lập ngày 27 tháng 10 năm 2017.

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhân:

- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiền

